

THCS TRẦN VĂN ĐĂNG
TỔ NGỮ VĂN
NHÓM NGỮ VĂN 8

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN
TUẦN 4 + 5 – HKII (21/2 – 6/03/2022)

TUẦN 4	TIẾT 85	TIẾT 86	TIẾT 87	TIẾT 88
	Ngắm trăng	Đi đường	Câu cảm thán	Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh <i>Ôn tập về văn thuyết minh</i>

TUẦN 5	TIẾT 89	TIẾT 90 + 91	TIẾT 92
	Câu trần thuật	Chiều dơi đỏ	Câu phủ định

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 85 : NGẮM TRĂNG

Hồ Chí Minh

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nâng cao năng lực đọc – hiểu một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ – chiến sĩ Hồ Chí Minh.
- Hiểu sâu hơn về nghệ thuật thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Nắm được ý nghĩa triết lí sâu sắc của bài thơ.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Tâm hồn giàu cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên và phong thái Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh giam cầm.
- Ý nghĩa khái quát mang tính triết lí của hình tượng con đường và con người vượt qua những hoàn cảnh gian khó.
- Vẻ đẹp của Hồ Chí Minh ung dung, tự tại, chủ động trước mọi hoàn cảnh.
- Sự khác nhau giữa văn bản chữ Hán và văn bản dịch bài thơ (biết được giữa hai văn bản có sự khác nhau, mức độ hiểu sâu sắc về nguyên tác sẽ được bổ sung sau).

2. Kỹ năng:

- Đọc diễn cảm bản dịch của bài thơ.
- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Bác Hồ không chỉ là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc mà còn là một nhà thơ lớn với những bài thơ đặc sắc thể hiện tình yêu thiên nhiên và tâm hồn lớn.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Vẻ đẹp thiên nhiên và hoàn cảnh ngắm trăng đặc biệt của nhà thơ.
- Phong thái ung dung, tự tại, chủ động trước mọi hoàn cảnh.

b) Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm, phép đối.
- Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.

c) Ý nghĩa văn bản

“Ngắm trăng” là một bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, cho thấy tình yêu thiên nhiên đến say mê và phong thái ung dung của Bác Hồ ngay cả trong cảnh tù ngục tối tăm.

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nâng cao năng lực đọc – hiểu một tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ – chiến sĩ Hồ Chí Minh.
- Hiểu sâu hơn về nghệ thuật thơ chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Nắm được ý nghĩa triết lí sâu sắc của bài thơ.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Tâm hồn giàu cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên và phong thái Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh thử thách trên đường.
- Ý nghĩa khái quát mang tính triết lí của hình tượng con đường và con người vượt qua những chặng đường gian khó.
- Vẻ đẹp của Hồ Chí Minh ung dung, tự tại, chủ động trước mọi hoàn cảnh.
- Sự khác nhau giữa văn bản chữ Hán và văn bản dịch bài thơ (biết được giữa hai văn bản có sự khác nhau, mức độ hiểu sâu sắc về nguyên tác sẽ được bổ sung sau).

2. Kỹ năng:

- Đọc diễn cảm bản dịch của bài thơ.
- Phân tích được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong tác phẩm.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Bác Hồ không chỉ là lãnh tụ vĩ đại của dân tộc mà còn là một nhà thơ lớn với những bài thơ đặc sắc thể hiện tình yêu thiên nhiên và tâm hồn lớn.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Vẻ đẹp thiên nhiên và hoàn cảnh ngấm trăng đặc biệt của nhà thơ.
- Phong thái ung dung, tự tại, chủ động trước mọi hoàn cảnh.

b) Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm,
- Sử dụng ngôn ngữ biểu cảm, thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (phiên âm) và lục bát (dịch thơ) .

c) Ý nghĩa văn bản

“Đi đường” là một bài thơ tứ tuyệt giản dị mà hàm súc, mang ý nghĩa sâu sắc; từ việc đi đường núi đã gọi ra chân lí đường đời : vượt qua gian lao chông chênh sẽ thắng lợi vẻ vang.

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câu cảm thán.

- Biết sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Đặc điểm hình thức của câu cảm thán.
- Chức năng của câu cảm thán.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết câu cảm thán trong các văn bản.
- Sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

- Câu cảm thán là câu có những từ cảm thán như : ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi (ôi), trời ơi ; thay biết bao, xiết bao, biết chừng nào....dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói (người viết) ; xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hay trong ngôn ngữ văn chương.

- Khi viết, câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.

2. Luyện tập

- Xác định câu cảm thán.
- Đặt câu cảm thán, viết đoạn văn có sử dụng câu cảm thán.

TIẾT 88 : THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAN THẮNG CẢNH

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Tiếp tục bổ sung kiến thức và kỹ năng làm bài văn thuyết minh.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Sự đa dạng về đối tượng được giới thiệu trong văn bản thuyết minh.
- Đặc điểm, cách làm bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.
- Mục đích, yêu cầu, cách quan sát và cách làm bài văn giới thiệu danh lam thắng cảnh.

2. Kỹ năng:

- Quan sát danh lam thắng cảnh.
- Đọc tài liệu, tra cứu, thu thập, ghi chép những tri thức khách quan về đối tượng để sử dụng trong bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.
- Tạo lập được một văn bản thuyết minh theo yêu cầu: biết viết một bài văn thuyết minh về một cách thức, phương pháp, cách làm có độ dài 300 chữ.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

- Muốn viết bài văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh thì tốt nhất phải đến nơi thăm thú, quan sát hoặc tra cứu sách vở, hỏi han người có hiểu biết về nơi ấy.
- Bài giới thiệu nên có bố cục ba phần. Lời giới thiệu ít nhiều có kèm theo miêu tả, bình luận thì sẽ hấp dẫn hơn; tuy nhiên, bài giới thiệu phải dựa trên cơ sở kiến thức đáng tin cậy và có phương pháp thích hợp.
- Lời văn cần chính xác và có biểu cảm.

2. Luyện tập

- Lập bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.

ÔN TẬP VĂN BẢN THUYẾT MINH

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hệ thống được kiến thức về văn bản thuyết minh.
- Rèn luyện, nâng cao một bước kĩ năng làm bài văn thuyết minh.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Khái niệm văn bản thuyết minh.
- Các phương pháp thuyết minh.
- Yêu cầu cơ bản khi làm văn thuyết minh.
- Sự phong phú, đa dạng về đối tượng cần giới thiệu trong văn bản thuyết minh.

2. Kỹ năng:

- Khái quát, hệ thống những kiến thức đã học.
- Đọc - hiểu yêu cầu đề bài văn thuyết minh.
- Quan sát đối tượng cần thuyết minh.
- Lập dàn ý, viết đoạn văn và bài văn thuyết minh.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

HS luyện tập theo hướng dẫn của giáo viên.

TIẾT 89 : CÂU TRẦN THUẬT

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật.
- Biết sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Đặc điểm hình thức của câu trần thuật.
- Chức năng của câu trần thuật.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết câu cảm thán trong các văn bản.
- Sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

- Câu trần thuật không có đặc điểm về hình thức của các kiểu câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán; thường dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả ...

Ngoài những chức năng chính trên đây, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc ... (vốn là chức năng chính của những kiểu câu khác).

- Khi viết, câu trần thuật thường kết thúc bằng dấu chấm nhưng đôi khi nó có thể kết thúc bằng dấu chấm than hoặc dấu chấm lửng.

- Đây là kiểu câu cơ bản và được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.

2. Luyện tập

- Xác định câu trần thuật.
- Đặt câu trần thuật, viết đoạn văn có sử dụng câu trần thuật.

TIẾT 90 + 91 : CHIẾU DỜI ĐÔ

Lý Công Uẩn

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu biết bước đầu về thể chiếu.
- Thấy được khát vọng xây dựng quốc gia cường thịnh, phát triển của Lý Công Uẩn cũng như của dân tộc ta ở một thời kì lịch sử.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Chiếu: thể văn chính luận trung đại, có chức năng ban bố mệnh lệnh của nhà vua.
- Sự phát triển của quốc gia Đại Việt đang trên đà lớn mạnh.
- Ý nghĩa trọng đại của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long và sức thuyết phục mạnh mẽ của lời tuyên bố quyết định dời đô.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể chiếu.
- Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu nghị luận trung đại ở một văn bản cụ thể.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Lý Công Uẩn là vị vua có tầm nhìn xa trông rộng, có ý chí khát vọng lớn lao, đồng thời là một vị vua thấu tình đạt lý. Điều đó được thể hiện rõ trong mong muốn dời đô từ Hoa Lư về Đại La – một nơi nằm giữa trung tâm trời đất có đầy đủ các yếu tố : thiên thời - đại lợi – nhân hòa.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Sự phát triển của quốc gia Đại Việt đang trên đà lớn mạnh
- Ý nghĩa trọng đại của sự kiện dời đô từ Hoa Lư ra thành Thăng Long

b) Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt nghị luận cổ, thể chiếu.

c) Ý nghĩa văn bản

“Chiếu dời đô” phản ánh khát vọng của nhân dân về một đất nước độc lập, thống nhất, đồng thời phản ánh ý chí tự cường của dân tộc Đại Việt đang trên đà lớn mạnh. Bài chiếu có sức thuyết phục mạnh mẽ vì nói đúng được ý nguyện của nhân dân, có sự kết hợp hài hòa giữa lý và tình.

TIẾT 92 : **CÂU PHỦ ĐỊNH**

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Nắm vững đặc điểm hình thức và chức năng của câu phủ định.
- Biết sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Đặc điểm hình thức của câu phủ định.
- Chức năng của câu trần thuật.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết câu cảm thán trong các văn bản.
- Sử dụng câu cảm thán phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

- Câu phủ định là câu có những từ ngữ phủ định như : không, chẳng, chả, chưa, không phải (là), chẳng phải (là), đâu có phải (là), đâu (có)...

- Câu phủ định dùng để :

+ Thông báo, xác nhận không có sự vật, sự việc, tính chất, quan hệ nào đó (phủ định miêu tả).

+ Phản bác một ý kiến, một nhận định (câu phủ định bác bỏ)

2. Luyện tập

- Xác định câu phủ định.

- Đặt câu phủ định, viết đoạn văn có sử dụng câu phủ định.

PHẦN BÀI TẬP

1. Em hãy viết văn bản ngắn cảm nhận về hình ảnh thơ mà em thích nhất trong bài thơ “Ngắm trăng” của Hồ Chí Minh.
2. Có ý kiến cho rằng, hai văn bản “Chiều dờn dờ” (Lý Công Uẩn) và “Hịch tướng sĩ” (Trần Quốc Tuấn) đã cho thấy hình tượng đẹp về Lý Công Uẩn và Trần Quốc Tuấn – những người lãnh đạo với những phẩm chất cao quý. Em có đồng tình với ý kiến ấy không? Hãy viết một văn bản ngắn (khoảng 8 – 10 câu) nêu suy nghĩ của em.

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN
TUẦN 6 – HKII (07/3 – 12/3/2022)

	TIẾT 93 + 94	TIẾT 95	TIẾT 96
TUẦN 6	Hịch tướng sĩ	1) Hành động nói 2) Ôn tập về luận điểm	Chương trình địa phương (phần TLV)

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

3. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước phần Lý thuyết của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
4. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành phần Bài tập trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 93+ 94 : HỊCH TƯỚNG SĨ

Trần Quốc Tuấn

III – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Bổ sung thêm kiến thức về văn nghị luận trung đại.
- Thấy được chức năng, yêu cầu nội dung, hình thức của văn bản *Hịch tướng sĩ*.
- Cảm nhận được lòng yêu nước tha thiết, tầm nhìn chiến lược của vị chỉ huy quân sự đại tài Trần Quốc Tuấn.

IV – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Sơ giản về thể hịch.
- Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài *Hịch tướng sĩ*.
- Tinh thần yêu nước, ý chí quyết thắng kẻ thù xâm lược của quân dân thời Trần.
- Đặc điểm văn chính luận *Hịch tướng sĩ*.

2. Kỹ năng:

. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể hịch.
- Nhận biết được không khí thời đại sục sôi thời Trần ở thời điểm dân tộc ta chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai.
- Phân tích được nghệ thuật lập luận, cách dùng các điển tích, điển cố trong văn bản nghị luận trung đại.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Trần Quốc Tuấn là “linh hồn” của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ 2 và lần thứ 3. Ông vừa là một vị tướng tài ba vừa là một vị chủ tướng được lòng quân. Điều đó được thể hiện rất rõ trong tác phẩm “Hịch tướng sĩ”.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Không khí thời đại sục sôi thời Trần ở thời điểm dân tộc ta chuẩn bị cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên xâm lược lần thứ hai.

- Tinh thần yêu nước, ý chí quyết thắng kẻ thù xâm lược của quân dân thời Trần.

b) Nghệ thuật

- Thể hịch.

- Vận dụng các phương thức biểu đạt nghị luận cổ

- Có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ, sinh động

c) Ý nghĩa văn bản

Bài “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn phản ánh tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, thể hiện qua lòng căm thù giặc, ý chí quyết chiến kẻ thù xâm lược. Đây là một áng văn chính luận xuất sắc, có sự kết hợp giữa lập luận chặt chẽ, sắc bén với lời văn thống thiết, có sức lôi cuốn mạnh mẽ, sinh động

TIẾT 87 : **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG**

II – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Bước đầu vận dụng kiến thức về làm văn thuyết minh để giới thiệu một di tích (thắng cảnh) của quê hương.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Những hiểu biết về danh lam thắng cảnh của quê hương.

- Các bước chuẩn bị và trình bày văn bản thuyết minh về di tích lịch sử (danh lam thắng cảnh) ở địa phương.

2. Kỹ năng:

- Quan sát, tìm hiểu, nghiên cứu....về đối tượng thuyết minh cụ thể là danh lam thắng cảnh của quê hương.

- Kết hợp các phương pháp, các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận để tạo lập một văn bản thuyết minh có độ dài 300 chữ.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

HS thực hiện theo hướng dẫn của Gv

--

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN
TUẦN 7 – HKII (14/3 – 19/3/2022)

	TIẾT 97 + 98	TIẾT 99	TIẾT 100
TUẦN 7	Nước Đại Việt ta	Hành động nói (tiếp theo)	Viết đoạn văn trình bày luận điểm

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

5. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
6. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 97 + 98 : **NƯỚC ĐẠI VIỆT TA** (Trích *Bình Ngô đại cáo*)

Nguyễn Trãi

V – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Bổ sung thêm kiến thức về văn nghị luận trung đại.
- Thấy được chức năng, yêu cầu nội dung, hình thức của một bài báo.
- Nắm được đặc điểm nội dung và hình thức của đoạn trích.

Lưu ý: Học sinh đã được về tác phẩm thơ của Nguyễn Trãi ở lớp 7.

VI – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Sơ giản về thể cáo.
- Hoàn cảnh lịch sử liên quan đến sự ra đời của bài *Bình Ngô đại cáo*.
- Nội dung tư tưởng tiến bộ của Nguyễn Trãi về đất nước, dân tộc.
- Đặc điểm văn chính luận của *Bình Ngô đại cáo* ở một đoạn trích.

2. Kỹ năng:

- Đọc – hiểu một văn bản viết theo thể cáo.
- Nhận ra, thấy được đặc điểm của kiểu văn bản nghị luận trung đại ở thể loại cáo.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Cùng với “Nam quốc sơn hà” của Lý Thường Kiệt, “Bình Ngô Đại cáo” được xem là bản Tuyên ngôn độc lập lần thứ hai của dân tộc.

2. Đọc – hiểu văn bản

a) Nội dung

- Quan điểm mới mẻ về tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi.

Khẳng định nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.

. *b)Nghệ thuật*

- Thể cáo
- Cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn
- Vận dụng các phương thức biểu đạt nghị luận cổ.

c)Ý nghĩa văn bản

Với cách lập luận chặt chẽ và chứng cứ hùng hồn, đoạn trích “Nước Đại Việt ta” có ý nghĩa như bản tuyên ngôn độc lập: nước ta là đất nước có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, phong tục riêng, có chủ quyền, có truyền thống lịch sử; kẻ xâm lược là phản nhân nghĩa, nhất định thất bại.

3. Rèn luyện thêm

- Đọc thêm văn bản “Trường học” trong SGK trang 9.

TIẾT 99 : HÀNH ĐỘNG NÓI (TT)

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Nắm được cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

Cách dùng các kiểu câu để thực hiện hành động nói.

2. Kỹ năng:

Sử dụng các kiểu câu để thực hiện hành động nói phù hợp.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Mỗi hành động nói có thể thực hiện bằng nhiều kiểu câu có chức năng chính phù hợp với hành động (cách dùng trực tiếp) hoặc bằng kiểu câu khác (cách dùng gián tiếp)

2. Luyện tập :

Xác định hành động nói trong câu

TIẾT 87 : VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀI LUẬN ĐIỂM

III – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Nắm được cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo các phương pháp diễn dịch và quy nạp.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Nhận biết, phân tích được cấu trúc của đoạn văn nghị luận.
- Biết cách viết đoạn văn trình bày luận điểm theo hai phương pháp diễn dịch và quy

nap.

2. Kỹ năng:

- Viết đoạn văn diễn dịch, quy nạp.
- Lựa chọn ngôn ngữ diễn đạt trong đoạn văn nghị luận.
- Viết một đoạn văn nghị luận trình bày luận điểm có độ dài 90 chữ về một vấn đề chính trị hoặc xã hội.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung

Khi trình bày luận điểm trong một đoạn văn nghị luận, ta cần chú ý :

- Thể hiện rõ ràng, chính xác nội dung của luận điểm trong câu chủ đề. Trong đoạn văn trình bày luận điểm, câu chủ đề thường được đặt ở vị trí đầu tiên (đối với đoạn diễn dịch) hoặc cuối cùng (đối với đoạn văn quy nạp).

- Tìm đủ các luận cứ cần thiết, tổ chức lập luận theo một trật tự hợp lí để làm nổi bật luận điểm.

- Diễn đạt trong sáng, hấp dẫn để sự trình bày luận điểm có sức thuyết phục.

2. Luyện tập

- Viết đoạn văn trình bày luận điểm

PHẦN BÀI TẬP

